

# Xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo vận dụng vào môn học Lịch sử và Địa lý lớp 4

Bùi Thị Huệ\*

\*TS. Trường Đại học Thủ Dầu Một

Received: 27/6 /2023; Accepted: 30/6/2023; Published: 5/7/2023

**Abstract:** In the context of innovating teaching methods in the direction of developing learners' capacity, approaching modern education, and at the same time organizing and guiding students to solve lesson content, the assessment of competence, Focusing on assessing students' problem solving and creativity is necessary. Because it makes people adapt quickly to change which is the operating law of nature and society. On the other hand, this authentic assessment of learners' ability will help teachers improve learning activities suitable for students.

The author of the article researches and develops criteria for assessing problem-solving and creative ability for grade 4 students. The article is used as an illustration in professional training activities for primary school teachers, serving the roadmap. improve teaching methods, techniques and assessment for the progress of learners.

**Keywords:** Criteria/capacity assessment/problem solving and creativity/ History and Geography grade 4.

## 1. Đặt vấn đề

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (GQVĐ & ST) là một năng lực cần thiết cho công dân toàn cầu ở thế kỷ XXI. Thành phần năng lực GQVĐ & ST gồm có: 1) Nhận ra ý tưởng mới 2) Phát hiện và làm rõ vấn đề 3) Hình thành và triển khai ý tưởng mới 4) Đề xuất lựa chọn giải pháp 5) Thiết kế và tổ chức hoạt động 6) Tư duy độc lập. Môn học Lịch sử và Địa lí (LS & ĐL) hướng đến mục tiêu hình thành và phát triển ở HS năng lực nhận thức khoa học LS & ĐL, tìm hiểu LS & ĐL, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, GQVĐ & ST. Để GV có thể tự điều chỉnh phương pháp (PP), hình thức dạy cho bản thân và làm cho HS tiến bộ hơn thì sau mỗi hoạt động giáo dục cần có biện pháp kiểm tra đánh giá năng lực (KTĐGNL) đã đạt của HS. Do vậy, việc thiết kế tiêu chí ĐGNLGQVĐ & ST cho HS lớp 4, môn LS & ĐL, mạch nội dung vùng Đồng bằng Bắc Bộ (ĐBBB) là một nỗ lực nhằm đóng góp vào quá trình đổi mới PP của bậc học.

## 2. Nội dung nghiên cứu

ĐGNLGQVĐ & ST là PP đánh giá khả năng của cá nhân trong việc giải quyết các vấn đề phức tạp và tìm ra các giải pháp sáng tạo. PP này thường sử dụng các bài kiểm tra và bài tập, câu hỏi trắc nghiệm, phỏng vấn, thực hành... để ĐGNLGQVĐ & ST của cá nhân hoặc nhóm.

### 2.1. Cơ sở, nguyên tắc và quy trình thiết kế tiêu chí

### đánh giá năng lực học sinh

Về cơ sở lí luận, tác giả căn cứ vào yêu cầu và biểu hiện cần đạt của năng lực GQVĐ & ST dành cho HS lớp 4 để xây dựng tiêu chí đánh giá phù hợp. Khái niệm “năng lực” thừa kế từ quan điểm của tác giả Hoàng Phê, theo đó: “Năng lực là khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó” hoặc “năng lực là phẩm chất tâm lí và sinh lí tạo cho con người khả năng hoàn thành một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao”. Năng lực giải quyết vấn đề là khả năng xử lý và giải quyết các vấn đề phức tạp bằng cách sử dụng kiến thức, kinh nghiệm và KN phù hợp. Năng lực sáng tạo là khả năng tạo ra các ý tưởng mới, đột phá và độc đáo. Đánh giá năng lực (ĐGNL) là đánh giá khả năng hoặc KN của cá nhân trong lĩnh vực nhất định.

Nguyên tắc thiết kế tiêu chí ĐGNL, thành tích học tập của HS không chỉ được đánh giá bởi kết quả bằng điểm số mà cần chú ý cả quá trình học tập, nghĩa là đánh giá thành tích học tập không giới hạn ở khả năng tái hiện tri thức mà còn chú trọng khả năng vận dụng tri thức trong việc giải quyết các nhiệm vụ phức tạp. Do đó, GV cần sử dụng phối hợp các hình thức, PP KTĐG khác nhau để có thể bổ khuyết, hỗ trợ lẫn nhau nhằm đạt được kết quả tối ưu.

Quy trình thiết kế tiêu chí ĐGNLGQVĐ & ST: Dù sử dụng công cụ nào để đánh giá HS thì khâu thiết lập các tiêu chí và mức độ đo lường vẫn là điều kiện tiên quyết. Để có công cụ đánh giá tốt thì cần có quy

trình thiết kế chặt chẽ theo các bước sau:

Bước 1) Xác định mục tiêu đánh giá (XĐMTĐG) cụ thể, phù hợp với đối tượng HS.

Bước 2) Xác định thành phần KN cần đánh giá như độ chính xác, độ sáng tạo, khả năng phân tích và giải quyết vấn đề (GQVĐ).

Bước 3) Thiết kế bài tập, câu hỏi phù hợp với đối tượng và mục tiêu đánh giá.

Bước 4) Xây dựng hệ thống đánh giá sau khi thiết kế các bài tập, câu hỏi và tiêu chí đánh giá.

Bước 5) Kiểm tra và cải tiến: sau khi triển khai hệ thống đánh giá, GV cần kiểm tra và cải tiến công cụ xem nó có phù hợp với mục tiêu đánh giá ban đầu và đối tượng hay chưa.

## 2.2. Thiết kế tiêu chí ĐGNLQVĐ & ST cho mạch nội dung ĐBBB, Lịch sử và Địa lí lớp 4

Ở mạch nội dung ĐBBB, chủ đề *Thiên nhiên* có 4 yêu cầu HS cần đạt gồm: 1) Xác định vị trí vùng ĐBBB trên bản đồ hoặc lược đồ 2) Nêu được đặc điểm thiên nhiên của vùng ĐBBB 3) Trình bày được thuận lợi và khó khăn của địa hình, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất ở vùng ĐBBB 4) Đề xuất được biện pháp bảo vệ thiên nhiên vùng ĐBBB ở mức độ đơn giản. Với 4 mục tiêu thuộc nhóm năng lực đặc thù trên, HS cần được hướng dẫn biện pháp tự học, tự GQVĐ & ST. Các mục tiêu có mối liên hệ nhân quả với nhau, cụ thể:

*Hoạt động 1*) Tìm hiểu thiên nhiên vùng ĐBBB. Thời gian 10 phút (5 phút/1 nội dung), hình thức hoạt động nhóm 5 HS, kỹ thuật khăn trải bàn. Thực hiện trên lớp học. Công cụ là phiếu học tập in sẵn hình bản đồ/lược đồ trên giấy A4.

XĐMTĐG gồm: i) Xác định vị trí địa lí vùng ĐBBB trên bản đồ hoặc lược đồ. ii) Nhận xét được đặc điểm thiên nhiên vùng ĐBBB. *Năng lực* GQVĐ & ST thể hiện qua: 1) khả năng quan sát, phân tích của HS khi xác định vị trí địa lí vùng ĐBBB; 2) Nhận xét về đặc điểm thiên nhiên vùng ĐBBB.

*Bài tập 1*) Em hãy chọn bản đồ/lược đồ phù hợp với nội dung để thực hiện các nhiệm vụ sau: i) Xác định vị trí vùng ĐBBB ii) Nhận xét về đặc điểm thiên nhiên vùng ĐBBB. Sản phẩm: kết quả làm việc nhóm.

Bài viết này tác giả quy ước 3 mức độ đánh giá năng lực bằng ký hiệu chữ cái, cụ thể: Hoàn thành tốt (A), Hoàn thành (B) và Chưa hoàn thành (C). Sau đây là Phiếu đánh giá hoạt động i). Xác định vị trí vùng ĐBBB. Tên thành viên nhóm:...

*Nội dung đánh giá i) Chọn bản đồ địa lí cho nội*

*dung phù hợp.* Mức độ năng lực cần đạt như sau: C. HS không chọn Bản đồ tự nhiên Việt Nam. (B) HS còn chút do dự khi chọn Bản đồ tự nhiên Việt Nam. (A) HS dứt khoát chọn Bản đồ tự nhiên Việt Nam. ii) Xác định và làm rõ thông tin trên bản đồ/lược đồ địa lí. Mức độ năng lực đánh giá là: (C) HS chưa sử dụng được bản đồ. (B) HS sử dụng được bản đồ, nhưng diễn đạt chưa lưu loát. (A) HS sử dụng được bản đồ, thuyết trình lưu loát. iii) Khai thác thông tin giới hạn vùng địa lí của ĐBBB từ bản đồ. Đánh giá mức độ năng lực: (C) HS chưa đặt được câu hỏi sát với mục tiêu, chưa sử dụng được ngôn ngữ ký hiệu của bản đồ/lược đồ. (B) HS đặt được câu hỏi gần sát với mục tiêu, còn rườm rà. Sử dụng được ngôn ngữ ký hiệu của bản đồ/lược đồ nhưng chưa thạo. (A) HS đặt được câu hỏi ngắn gọn, khớp với mục tiêu. Sử dụng tốt ngôn ngữ ký hiệu của bản đồ/lược đồ.

Phiếu đánh giá hoạt động ii) Nhận xét về đặc điểm thiên nhiên vùng ĐBBB. Tên thành viên nhóm:...

Nội dung đánh giá: i) Sử dụng công cụ địa lí chính xác. Biểu đạt năng lực với 3 mức độ (C) HS chưa chọn đúng bản đồ/lược đồ. (B) HS chọn đúng bản đồ/lược đồ, nhưng còn lúng túng. (A) HS quyết đoán, chọn đúng bản đồ/lược đồ. ii) Sử dụng bản đồ địa lí thuần thực. (C) HS chưa sử dụng bản đồ thuần thực. (B) HS sử dụng bản đồ tương đối thuần thực. (A) HS sử dụng bản đồ thuần thực. iii) Khả năng thuyết trình. (C) HS chưa mô tả được dòng chảy của 2 sông lớn ở ĐBBB. (B) HS mô tả tương đối chính xác dòng chảy của 2 sông lớn ở ĐBBB. (A) HS mô tả chính xác dòng chảy của 2 sông lớn ở ĐBBB. iv) Lập luận và GQVĐ. Mức đo năng lực (C) HS chưa phát hiện được đặc điểm của địa hình và sông ngòi ĐBBB. (B) HS phát hiện được đặc điểm của địa hình và sông ngòi ĐBBB, nhưng chưa diễn đạt lưu loát. (A) HS phát hiện được đặc điểm của địa hình và sông ngòi ĐBBB, diễn đạt lưu loát.

*Hoạt động 2*) Thực hành 8 phút, GV sử dụng PP đóng vai kết hợp nêu và GQVĐ, sử dụng kỹ thuật mảnh ghép biến thể (HS xếp hàng dọc, đóng vai phóng viên để hỏi, đáp và hoán đổi vị trí, vai trò của các thành viên với nhau). Công cụ là nhật ký học tập. XĐMTĐG là: HS trình bày được thuận lợi và khó khăn của địa hình, sông ngòi đến đời sống và sản xuất của vùng ĐBBB. ĐGNLQVĐ&ST qua việc HS phát hiện ra ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên đến đời sống và sản xuất của vùng ĐBBB. Yêu cầu: Em hãy đặt câu hỏi tìm hiểu những ảnh hưởng do vị trí vùng ĐBBB tác động đến: i) đời sống ii) hoạt động

sản xuất. Sản phẩm: câu trả lời của HS khớp với mục tiêu hoạt động.

*Tiêu chí đánh giá năng lực thành phần:* Tư duy độc lập. i1) Đặt câu hỏi về vấn đề cụ thể, 3 mức năng lực cần đạt là: (C) HS đặt được 01 câu hỏi khớp với nội dung. (B) HS đặt được 02 câu hỏi khớp với nội dung. (A) HS đặt được 03 câu hỏi khớp với nội dung i2) Mô tả chi tiết về đối tượng. (C) Mô tả được “con đê”, chưa phân tích được vai trò của đê trong hoạt động sản xuất ở ĐBBB. (B) Mô tả được “con đê”, phân tích tương đối rõ vai trò của đê trong hoạt động sản xuất ở ĐBBB. (A) Mô tả được “con đê”, phân tích rõ vai trò của đê trong hoạt động sản xuất ở ĐBBB.

*Hoạt động 3) Vận dụng, thời gian 12 phút.* Hoạt động nhóm 5, GV vận dụng PPDH theo góc kết hợp triển lãm phòng tranh để HS trình bày sản phẩm. XĐMTĐG là HS đề xuất biện pháp bảo vệ thiên nhiên vùng ĐBBB ở mức độ đơn giản. Năng lực đánh giá là QGVĐ & ST. Yêu cầu: i) Em hãy lập kế hoạch hành động để bảo vệ thiên nhiên vùng ĐBBB. ii) tổ chức thực hiện được một biện pháp bảo vệ thiên nhiên vùng ĐBBB. Sản phẩm: HS tổ chức thực hiện được một biện pháp bảo vệ thiên nhiên vùng ĐBBB.

*Tiêu chí đánh giá năng lực QGVĐ & ST thành phần:* i) Thiết kế kế hoạch: (C) chưa có ý tưởng. (B) lập kế hoạch cụ thể, còn vài chi tiết chưa hợp lí. (A) lập kế hoạch cụ thể, khả thi. ii) Tổ chức thực hiện kế hoạch. (C) chưa tổ chức được hoạt động. (B) tổ chức được hoạt động, nhưng chưa phù hợp với thực tiễn. (A) tổ chức được hoạt động phù hợp với thực tiễn.

Tiêu chí đánh giá năng lực QGVĐ & ST thành phần của bài giảng i) Kiến thức. i1) Hiểu biết khái quát về LS & ĐL vùng ĐBBB (C) HS không hiểu biết về chủ đề. (B) HS hiểu biết cơ bản về chủ đề. (A) HS hiểu biết sâu bao quát về chủ đề. i2) Khả năng tìm kiếm thông tin. (C) HS tìm chưa chính xác thông tin về các địa danh và sự kiện. (B) HS tìm tương đối chính xác thông tin về các địa danh và sự kiện. (A) HS tìm chính xác thông tin về các địa danh và sự kiện. i3) Phân tích thông tin. (C) phân tích không chính xác biểu tượng ĐBBB. (B) phân tích biểu tượng ĐBBB, còn vài chi tiết chưa chính xác. (A) phân tích biểu tượng ĐBBB, chính xác và diễn đạt logic. i4) Áp dụng kiến thức để QGVĐ hiệu quả: (C) HS áp dụng kiến thức chưa đạt kết quả. (B) HS áp dụng được kiến thức, nhưng chưa hiệu quả (A) HS áp dụng kiến thức hiệu quả.

ii) Sáng tạo. ii1) Tư duy sáng tạo trong việc

QGVĐ. (C) HS không tìm ra giải pháp mới. (B) HS tìm ra giải pháp mới, nhưng chưa hiệu quả. (A) HS tìm ra giải pháp mới hiệu quả và đột phá. ii2) Sáng tạo trong việc trình bày kết quả QGVĐ: (C) HS trình bày kết quả QGVĐ không thu hút. (B) HS trình bày kết quả QGVĐ chưa hoàn toàn thu hút. (A) HS trình bày kết quả QGVĐ thu hút, tạo nên sự khác biệt.

iii) PP giải quyết vấn đề. iii1) Sử dụng PP phù hợp để QGVĐ. (C) HS chưa sử dụng PP phù hợp. (B) HS sử dụng PP tương đối phù hợp. (A) HS sử dụng PP phù hợp. iii2) Tìm hiểu và sử dụng nguồn tài liệu phù hợp để QGVĐ. (C) HS chưa biết tìm, chưa sử dụng được nguồn tài liệu phù hợp với nội dung. (B) HS tìm và sử dụng các nguồn tài liệu chưa hoàn toàn phù hợp với nội dung. (A) HS tìm và sử dụng các nguồn tài liệu phù hợp với nội dung.

vi) Kỹ năng giao tiếp, gồm 2 ý. vi1) Sử dụng ngôn ngữ và hình thức trình bày phù hợp để trình bày kết quả QGVĐ. (C) HS chưa sử dụng được ngôn ngữ riêng để trình bày. (B) HS sử dụng được ngôn ngữ riêng để trình bày, nhưng còn chút lúng túng. (A) HS sử dụng được ngôn ngữ riêng để trình bày và QGVĐ lưu loát. vi2) Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong quá trình QGVĐ. (C) HS thể hiện làm việc nhóm và giao tiếp chưa hiệu quả. (B) HS thể hiện khá tốt kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả. (A) HS thể hiện tốt kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả.

### 3. Kết luận

KTĐG theo định hướng PTNL có thể xem như một PPDH tích cực nhằm phát huy năng lực của HS. Do đó KTĐG nên vận dụng linh hoạt để đo lường được mức độ tiến bộ của HS cả về định tính (kiến thức, kỹ năng, phẩm chất) và định lượng (khả năng sử dụng, vận dụng giải QGVĐ & ST). Đặc biệt khi dạy học tích hợp các nội dung khoa học LS & ĐL, nhằm hình thành cho HS những năng lực khoa học xã hội cơ bản thì việc ĐGNLQGVĐ & ST nên được GV chú trọng.

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2018), *Chương trình GDPT môn Lịch sử và Địa lí (cấp TH)*, Ban hành kèm theo thông tư số 32 ngày 26 tháng 12 năm 2018. Hà Nội

2. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2020), *Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT Quy định đánh giá học sinh TH*, Hà Nội ngày 04 tháng 9 năm 2020. Hà Nội.

3. Hoàng Phê (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.